

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2017/HNGĐ - ST**

Ngày: 19/9/2017

V/v “Ly hôn, t/c nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khuyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Hòa

2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

C.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2017/LTST-HNGĐ ngày 17/5/2017 về việc “ Ly hôn, t/c nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2017/QĐST – HNGĐ ngày 31/8/2017 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc L – sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp Láng Lớn, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Trương Công C – sinh năm: 1975

Địa chỉ: ấp Láng Lớn, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(chị L có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2017, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau vào năm 1999 chị và anh Trương Công C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian dài, bắt đầu khoảng 03 năm nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh C thường xuyên nhậu nhẹt về nhà gây sự đánh đập chị và các con, trong khoảng thời gian 03 năm nay bạo lực gia đình xảy ra thường xuyên, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe và không thay đổi, theo chị do chị sinh toàn con gái không sinh được con trai cho anh C nên anh hay kiếm chuyện để chửi bới, đánh đập mẹ con chị, nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn,

cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung:

1. Trương Thị Mỹ L – sinh ngày:16/9/2000
2. Trương Thị Mỹ H – sinh ngày:13/9/2003
3. Trương Thị Mỹ Ng – sinh ngày:10/01/2013

Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L, H, Ng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

* Bị đơn anh Trương Công C vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu L, H, Ng (bản sao); đơn xin xác nhận (bản chính); Phiếu chi lương tháng 6 năm 2017 của chị L (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được là biên bản xác minh tại Ban tư pháp xã X về việc chị L và anh C có đăng ký kết hôn hay không (bản chính).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: Thời hạn xử lý đơn vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Riêng anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên tại phiên Tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp. Đại diện VKS huyện C kiến nghị khắc phục vi phạm về thời hạn xử lý đơn.

Về nội dung: về quan hệ hôn nhân không công nhận chị L và anh C là vợ chồng, về con chung giao cháu L, H, Ng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Công C, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện: “Ly hôn, t/c nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C nên chị L là nguyên đơn, anh C là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Trương Công C hiện cư trú tại ấp Láng Lớn, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Trương Công C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhân dân huyện C để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh C từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không ký nhận mà không nêu rõ lý do, không đến Tòa án làm việc và vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh C trong hồ sơ và Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để anh C biết đến tham dự phiên Tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trương Công C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, chị và anh không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trương Công C là vợ chồng.

[5] Về con chung: chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, H và cháu Ng, qua lời trình bày của chị L thì thấy: Từ khi anh chị sống ly thân nhau, chị đã dẫn các con ra ở riêng cùng chị một thời gian nhưng sau đó anh Cường ra dẫn các con về để anh nuôi dưỡng và chăm sóc thì chị cũng đồng ý, tuy nhiên sau đó anh C đưa các con đến trả lại cho chị vì cho rằng không nuôi nổi các con. Hiện nay chị L làm công nhân có công việc và thu nhập ổn định, bình quân một tháng thu nhập khoảng 6000.000 đồng, bên cạnh đó lại có ông bà ngoại phụ giúp chị trong việc trông nom con cái khi chị đi làm. Đồng thời cháu Linh và cháu Huyền có nguyện vọng được sống với chị L. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu thì thấy nên giao cháu L, H, Ng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014. Nên chấp nhận cho chị L được nuôi dưỡng cháu L, H, Ng.

[6] Về cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị L xác định tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có, do anh C vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đề nghị của đại diện VKS huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật TTDS.

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Trương Công C là vợ chồng.

- Về con chung: giao cháu Trương Thị Mỹ L – sinh ngày 16/9/2000; Trương Thị Mỹ H – sinh ngày: 13/9/2003 và cháu Trương Thị Mỹ Ng – sinh ngày: 10/01/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trương Công C.

Khi cần thiết chị L và anh C được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004034 ngày 17/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã X.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;.
- UBND xã X;
- Lưu án văn ;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên